

## Kết quả thi lớp AWK288

Hội đồng thi : TT - ĐTTH Cần Thơ Khu 2 - Ngày : 25/09/2016

| SBD | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Đ. LT | Đ. TH | Đ. TB | Xếp loại   |
|-----|------------------------|------------|------------|-------|-------|-------|------------|
| 2   | Võ Hồng Ân             | 17-06-1996 | Bạc Liêu   | 5.00  | 5.00  | 5.00  | Trung bình |
| 8   | Nguyễn Nhật An         | 22-03-1997 | Tiền Giang | 8.00  | 9.00  | 8.50  | Giỏi       |
| 17  | Đồng Thùy Hà Anh       | 16-06-1996 | An Giang   | 7.50  | 5.00  | 6.25  | Trung bình |
| 19  | Huỳnh Thị Ngọc Anh     | 06-07-1997 | Vĩnh Long  | 6.50  | 7.50  | 7.00  | Khá        |
| 26  | Lê Nguyễn Hoàng Anh    | 04-05-1995 | Bến Tre    | 6.00  | 9.00  | 7.50  | Khá        |
| 29  | Nguyễn Thị Mỹ Anh      | 24-01-1997 | Kiên Giang | 8.00  | 9.00  | 8.50  | Giỏi       |
| 32  | Nguyễn Thị Tuyết Anh   | 10-05-1996 | An Giang   | 6.50  | 6.50  | 6.50  | Trung bình |
| 40  | Trần Thế Anh           | 14-02-1997 | Cần Thơ    | 5.50  | 8.50  | 7.00  | Trung bình |
| 44  | Trần Thị Tố Anh        | 17-04-1997 | An Giang   | 6.50  | 6.50  | 6.50  | Trung bình |
| 72  | Trần Ngọc Bích         | 01-09-1996 | Cần Thơ    | 6.00  | 3.50  | 4.75  | Kh. đạt    |
| 82  | Nguyễn Thị Cẩm Bình    | 25-06-1996 | Cần Thơ    | 7.50  | 6.50  | 7.00  | Khá        |
| 107 | Lê Nguyễn Ngọc Chăm    | 01-09-1997 | An Giang   | 8.00  | 6.00  | 7.00  | Khá        |
| 116 | Phan Quốc Chinh        | 09-08-1993 | Trà Vinh   | 6.00  | 6.50  | 6.25  | Trung bình |
| 125 | Nguyễn Thị Hải Cơ      | 07-10-1995 | Cần Thơ    | 7.50  | 4.00  | 5.75  | Trung bình |
| 126 | Từ Minh Cơ             | 17-07-1996 | Bình Thuận | 0.00  | 0.00  | 0.00  | Kh. đạt    |
| 134 | Mã Vũ Cường            | 09-10-1996 | Cà Mau     | 6.00  | 6.00  | 6.00  | Trung bình |
| 158 | Phan Thị Diễm          | 12-02-1995 | Cần Thơ    | 5.50  | 5.50  | 5.50  | Trung bình |
| 164 | Nguyễn Ngọc Diễm       | 22-06-1996 | Cà Mau     | 5.50  | 7.00  | 6.25  | Trung bình |
| 172 | Cao Thị Phương Dung    | 08-07-1996 | Vĩnh Long  | 7.50  | 8.50  | 8.00  | Giỏi       |
| 185 | Trần Quốc Dũng         | 19-11-1996 | Vĩnh Long  | 6.50  | 10.00 | 8.25  | Khá        |
| 190 | Lê Nguyễn Phương Duy   | 11-08-1997 | An Giang   | 7.00  | 8.50  | 7.75  | Khá        |
| 195 | Nguyễn Quang Duy       | 19-03-1997 | Đồng Tháp  | 8.50  | 5.00  | 6.75  | Trung bình |
| 196 | Nguyễn Thành Duy       | 14-03-1996 | Cà Mau     | 5.50  | 5.50  | 5.50  | Trung bình |
| 212 | Dương Cẩm Duyên        | 30-07-1997 | Cà Mau     | 5.00  | 3.50  | 4.25  | Kh. đạt    |
| 238 | Trịnh Thùy Dương       | 10-05-1997 | Cà Mau     | 4.50  | 5.50  | 5.00  | Trung bình |
| 248 | Nguyễn Hải Đăng        | 25-09-1996 | Cần Thơ    | 6.00  | 4.00  | 5.00  | Trung bình |
| 251 | Lâm Thủ Đạt            | 11-06-1996 | Sóc Trăng  | 3.50  | 5.00  | 4.25  | Kh. đạt    |
| 252 | Nguyễn Thành Đạt       | 02-03-1995 | Sóc Trăng  | 6.00  | 3.50  | 4.75  | Kh. đạt    |
| 263 | Nguyễn Hữu Đạt         | 25-04-1995 | Sóc Trăng  | 5.50  | 5.00  | 5.25  | Trung bình |
| 269 | Bùi Thị Trúc Đào       | 11-03-1997 | Bạc Liêu   | 8.00  | 7.00  | 7.50  | Khá        |
| 271 | Vương Thị Xuân Đào     | 06-06-1995 | Cần Thơ    | 5.50  | 6.00  | 5.75  | Trung bình |
| 274 | Dương Nhật Điền        | 02-08-1997 | Bạc Liêu   | 5.50  | 9.00  | 7.25  | Trung bình |
| 297 | Nguyễn Hữu Đức         | 01-06-1994 | An Giang   | 5.50  | 4.50  | 5.00  | Trung bình |
| 298 | Nguyễn Lê Thục Đức     | 20-11-1997 | An Giang   | 6.00  | 4.50  | 5.25  | Trung bình |
| 336 | Trương Thị Ngọc Giao   | 21-08-1995 | An Giang   | 8.00  | 8.50  | 8.25  | Giỏi       |
| 350 | Phạm Thị Ngọc Hân      | 10-03-1996 | Tiền Giang | 7.50  | 6.50  | 7.00  | Khá        |
| 375 | Nguyễn Thị Phượng Hằng | 31-05-1995 | Cần Thơ    | 5.00  | 6.50  | 5.75  | Trung bình |
| 379 | Hồ Như Hạ              | 26-01-1995 | Cần Thơ    | 6.00  | 4.00  | 5.00  | Trung bình |
| 417 | Quách Thu Hén          | 08-09-1993 | Cà Mau     | 5.50  | 5.50  | 5.50  | Trung bình |
| 421 | Mai Thị Mỹ Hiền        | 20-11-1997 | An Giang   | 6.00  | 7.00  | 6.50  | Trung bình |

## Kết quả thi lớp AWK288

Hội đồng thi : TT - ĐTTH Cần Thơ Khu 2 - Ngày : 25/09/2016

| SBD | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Đ. LT | Đ. TH | Đ. TB | Xếp loại   |
|-----|------------------------|------------|------------|-------|-------|-------|------------|
| 423 | Nguyễn Thị Diệu Hiền   | 09-09-1996 | An Giang   | 8.00  | 7.50  | 7.75  | Khá        |
| 448 | Lê Thị Xuân Hoa        | 23-12-1997 | An Giang   | 7.50  | 6.00  | 6.75  | Trung bình |
| 459 | Nguyễn Trần Huy Hoàng  | 14-04-1996 | Bạc Liêu   | 6.00  | 5.00  | 5.50  | Trung bình |
| 480 | Huỳnh Chánh Huy        | 07-11-1997 | Vĩnh Long  | 7.50  | 6.50  | 7.00  | Khá        |
| 484 | Lữ Quốc Duy            | 20-06-1996 | Kiên Giang | 5.50  | 9.00  | 7.25  | Trung bình |
| 489 | Trương Quốc Huy        | 24-11-1997 | Tiền Giang | 7.50  | 7.50  | 7.50  | Khá        |
| 491 | Đinh Thanh Huyền       | 04-10-1997 | Cần Thơ    | 9.00  | 9.50  | 9.25  | Giỏi       |
| 496 | Nguyễn Ngọc Huyền      | 25-12-1995 | Cần Thơ    | 8.50  | 9.00  | 8.75  | Giỏi       |
| 502 | Tôn Mỹ Huyền           | 26-11-1994 | An Giang   | 8.00  | 9.50  | 8.75  | Giỏi       |
| 503 | Trần Thị Mỹ Huyền      | 21-02-1996 | Trà Vinh   | 7.00  | 7.50  | 7.25  | Khá        |
| 507 | Lý Bé Huỳnh            | 06-08-1996 | Cà Mau     | 5.50  | 6.50  | 6.00  | Trung bình |
| 513 | Hồng Võ Gia Huy        | 12-08-1996 | Cần Thơ    | 7.00  | 9.00  | 8.00  | Giỏi       |
| 516 | Trương Thị Kim Hường   | 16-09-1996 | Kiên Giang | 7.00  | 6.50  | 6.75  | Trung bình |
| 525 | Lê Thị Hoài Hường      | 25-11-1996 | Vĩnh Long  | 6.00  | 7.50  | 6.75  | Trung bình |
| 530 | Bùi Thị Cẩm Hường      | 17-02-1997 | Cà Mau     | 6.00  | 8.50  | 7.25  | Khá        |
| 534 | Đỗ Thị Cẩm Hường       | 11-12-1997 | Cần Thơ    | 8.50  | 8.00  | 8.25  | Giỏi       |
| 544 | Huỳnh Bảo An Khang     | 25-10-1997 | Sóc Trăng  | 6.50  | 3.00  | 4.75  | Kh. đạt    |
| 557 | Đoàn Võ Tấn Khải       | 04-05-1996 | Cà Mau     | 8.00  | 8.50  | 8.25  | Giỏi       |
| 564 | Nguyễn Dương Kim Khánh | 23-02-1997 | Cà Mau     | 6.00  | 8.00  | 7.00  | Khá        |
| 566 | Nguyễn Thị Ngọc Khánh  | 01-05-1997 | Kiên Giang | 7.50  | 7.00  | 7.25  | Khá        |
| 570 | Lê Minh Khoa           | 05-09-1997 | Sóc Trăng  | 6.50  | 3.50  | 5.00  | Trung bình |
| 572 | Mai Đăng Khoa          | 14-07-1996 | An Giang   | 6.00  | 7.00  | 6.50  | Trung bình |
| 574 | Nguyễn Trọng Khoa      | 11-10-1997 | Cần Thơ    | 6.50  | 4.50  | 5.50  | Trung bình |
| 591 | Nguyễn Tuấn Kiệt       | 05-12-1997 | Sóc Trăng  | 8.00  | 10.00 | 9.00  | Giỏi       |
| 600 | Nguyễn Thị Mỹ Kiều     | 10-06-1997 | Cần Thơ    | 8.00  | 9.00  | 8.50  | Giỏi       |
| 601 | Phạm Thị Thúy Kiều     | 06-06-1997 | Kiên Giang | 9.00  | 9.00  | 9.00  | Giỏi       |
| 615 | Phùng Như Lâm          | 26-01-1997 | Cà Mau     | 7.00  | 7.50  | 7.25  | Khá        |
| 632 | Nguyễn Thị Mỹ Lệ       | 30-12-1997 | Bến Tre    | 6.00  | 8.00  | 7.00  | Khá        |
| 635 | Trịnh Huỳnh Lê         | 22-06-1997 | Kiên Giang | 6.50  | 8.50  | 7.50  | Khá        |
| 638 | Trần Thị Lệ            | 24-12-1993 | Cần Thơ    | 6.00  | 5.00  | 5.50  | Trung bình |
| 648 | Võ Kim Liên            | 02-04-1994 | Bạc Liêu   | 6.50  | 4.50  | 5.50  | Trung bình |
| 653 | Nguyễn Hoàng Tú Lin    | 05-07-1997 | Đồng Tháp  | 5.50  | 5.00  | 5.25  | Trung bình |
| 654 | Phạm Thị Trúc Linh     | 21-09-1994 | Cần Thơ    | 7.00  | 6.50  | 6.75  | Trung bình |
| 656 | Huỳnh Thị Cẩm Linh     | 20-01-1997 | An Giang   | 6.00  | 6.00  | 6.00  | Trung bình |
| 658 | Huỳnh Vũ Linh          | 25-12-1995 | Cần Thơ    | 7.00  | 6.00  | 6.50  | Trung bình |
| 662 | Lê Thị Thùy Linh       | 14-11-1995 | Đồng Tháp  | 9.00  | 8.50  | 8.75  | Giỏi       |
| 664 | Lê Thị Chúc Linh       | 19-03-1996 | Cà Mau     | 7.00  | 9.50  | 8.25  | Giỏi       |
| 673 | Nguyễn Thị Phương Linh | 01-04-1995 | Vĩnh Long  | 7.00  | 8.50  | 7.75  | Khá        |
| 677 | Nguyễn Thùy Linh       | 20-11-1996 | Cần Thơ    | 7.00  | 5.50  | 6.25  | Trung bình |
| 685 | Phan Trần Yến Linh     | 16-09-1995 | Cần Thơ    | 6.00  | 9.00  | 7.50  | Khá        |

## Kết quả thi lớp AWK288

Hội đồng thi : TT - ĐTTH Cần Thơ Khu 2 - Ngày : 25/09/2016

| SBD  | Họ và tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Đ. LT | Đ. TH | Đ. TB | Xếp loại   |
|------|-----------------------|------------|------------|-------|-------|-------|------------|
| 686  | Thái Thị Thùy Linh    | 09-08-1997 | Vĩnh Long  | 8.00  | 6.50  | 7.25  | Khá        |
| 688  | Trần Huệ Linh         | 01-02-1996 | Cần Thơ    | 6.50  | 5.50  | 6.00  | Trung bình |
| 693  | Trần Trúc Linh        | 11-03-1993 | Tiền Giang | 6.50  | 7.50  | 7.00  | Khá        |
| 702  | Lý Thành Lộc          | 24-01-1995 | Sóc Trăng  | 8.00  | 7.50  | 7.75  | Khá        |
| 705  | Bùi Thị Mỹ Loan       | 03-11-1996 | Kiên Giang | 8.00  | 6.00  | 7.00  | Khá        |
| 710  | Nguyễn Ngọc Phi Loan  | 20-10-1996 | Sóc Trăng  | 6.00  | 3.50  | 4.75  | Kh. đạt    |
| 713  | Trần Kim Loan         | 09-12-1995 | Bạc Liêu   | 7.50  | 9.50  | 8.50  | Giỏi       |
| 731  | Nguyễn Thị Luyến      | 20-09-1995 | An Giang   | 6.00  | 5.50  | 5.75  | Trung bình |
| 747  | Lữ Thị Mai            | 03-01-1995 | Thanh Hóa  | 5.50  | 6.50  | 6.00  | Trung bình |
| 779  | Phạm Văn Mộng         | 20-04-1996 | An Giang   | 6.00  | 3.00  | 4.50  | Kh. đạt    |
| 792  | Lương Thị Cẩm My      | 19-11-1994 | Kiên Giang | 8.00  | 9.50  | 8.75  | Giỏi       |
| 795  | Ngô Tiểu My           | 28-04-1995 | Kiên Giang | 5.50  | 6.00  | 5.75  | Trung bình |
| 804  | Phan Thị Huỳnh My     | 11-11-1997 | Sóc Trăng  | 7.50  | 7.00  | 7.25  | Khá        |
| 829  | Đồng Thị Kim Ngân     | 15-04-1995 | An Giang   | 5.00  | 5.50  | 5.25  | Trung bình |
| 851  | Lê Thị Kiều Ngân      | 08-02-1995 | Đồng Tháp  | 8.00  | 6.50  | 7.25  | Khá        |
| 852  | Châu Thảo Nghi        | 26-06-1997 | Trà Vinh   | 7.50  | 7.50  | 7.50  | Khá        |
| 867  | Nguyễn Thị Bé Ngoan   | 05-12-1994 | Kiên Giang | 9.00  | 8.00  | 8.50  | Giỏi       |
| 869  | Phạm Thị Ngoan        | 07-10-1997 | Sóc Trăng  | 6.00  | 6.00  | 6.00  | Trung bình |
| 890  | Nguyễn Thị Như Ngọc   | 07-02-1995 | An Giang   | 5.00  | 3.00  | 4.00  | Kh. đạt    |
| 891  | Nguyễn Thị Như Ngọc   | 27-07-1997 | Hậu Giang  | 8.00  | 9.50  | 8.75  | Giỏi       |
| 892  | Nguyễn Thị Tú Ngọc    | 14-02-1997 | Đồng Tháp  | 5.50  | 7.00  | 6.25  | Trung bình |
| 900  | Trần Hồng Ngọc        | 09-11-1997 | Sóc Trăng  | 7.50  | 5.00  | 6.25  | Trung bình |
| 907  | Bùi Trọng Nguyễn      | 12-07-1996 | Hậu Giang  | 0.00  | 0.00  | 0.00  | Kh. đạt    |
| 910  | Đào Thị Bé Nguyên     | 07-10-1997 | Cần Thơ    | 5.50  | 6.00  | 5.75  | Trung bình |
| 911  | Hồ Thị Trúc Nguyên    | 27-03-1997 | Trà Vinh   | 7.00  | 6.50  | 6.75  | Trung bình |
| 930  | Trần Thị Như Nguyệt   | 23-07-1996 | Bến Tre    | 8.00  | 9.50  | 8.75  | Giỏi       |
| 952  | Dương Thị Thanh Nhanh | 15-06-1996 | Kiên Giang | 5.50  | 6.00  | 5.75  | Trung bình |
| 958  | Phạm Thị Hồng Nhân    | 27-05-1994 | Cần Thơ    | 7.00  | 9.50  | 8.25  | Giỏi       |
| 978  | Nguyễn Trần Thanh Nhi | 05-11-1995 | Cần Thơ    | 6.00  | 5.00  | 5.50  | Trung bình |
| 995  | Bùi Thị Kiều Nhiên    | 05-08-1997 | Sóc Trăng  | 8.00  | 9.50  | 8.75  | Giỏi       |
| 998  | Nguyễn Thúy Nhiễm     | 30-04-1997 | Cà Mau     | 5.50  | 7.50  | 6.50  | Trung bình |
| 1002 | Nguyễn Thị Huệ Nhu    | 18-02-1997 | An Giang   | 8.00  | 8.00  | 8.00  | Giỏi       |
| 1014 | Trương Ngọc Nhung     | 09-11-1996 | An Giang   | 6.50  | 7.00  | 6.75  | Trung bình |
| 1017 | Hồ Ngọc Như           | 30-10-1997 | An Giang   | 6.50  | 9.50  | 8.00  | Khá        |
| 1018 | Huỳnh Như             | 10-04-1995 | Cà Mau     | 4.50  | 8.00  | 6.25  | Trung bình |
| 1049 | Lê Thị Kiều Nương     | 28-07-1994 | Cần Thơ    | 6.50  | 5.00  | 5.75  | Trung bình |
| 1053 | Lê Thị Kiều Oanh      | 01-02-1995 | Đồng Tháp  | 5.00  | 9.00  | 7.00  | Trung bình |
| 1058 | Neàng Pâu             | 07-06-1995 | An Giang   | 3.50  | 5.00  | 4.25  | Kh. đạt    |
| 1068 | Lê Tấn Phát           | 29-09-1997 | Cà Mau     | 7.00  | 8.00  | 7.50  | Khá        |
| 1070 | Hạ Hồng Phi           | 29-06-1996 | Đồng Tháp  | 5.00  | 6.50  | 5.75  | Trung bình |

## Kết quả thi lớp AWK288

Hội đồng thi : TT - ĐTTH Cần Thơ Khu 2 - Ngày : 25/09/2016

| SBD  | Họ và tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Đ. LT | Đ. TH | Đ. TB | Xếp loại   |
|------|-----------------------|------------|------------|-------|-------|-------|------------|
| 1074 | Điền Thị Phol         | 08-04-1995 | Sóc Trăng  | 5.50  | 5.00  | 5.25  | Trung bình |
| 1077 | Nguyễn Hoàng Phong    | 19-06-1997 | Sóc Trăng  | 7.50  | 9.50  | 8.50  | Giỏi       |
| 1096 | Lý Đường Hoàng Phúc   | 01-01-1997 | An Giang   | 8.50  | 9.50  | 9.00  | Giỏi       |
| 1110 | Vi Thị Kim Phượng     | 06-08-1997 | Cần Thơ    | 6.00  | 5.50  | 5.75  | Trung bình |
| 1119 | Nguyễn Thảo Phương    | 21-10-1997 | Sóc Trăng  | 8.00  | 8.00  | 8.00  | Giỏi       |
| 1122 | Nguyễn Việt Phương    | 07-08-1995 | Cần Thơ    | 8.00  | 9.00  | 8.50  | Giỏi       |
| 1142 | Huỳnh Phú Quý         | 06-04-1995 | Cần Thơ    | 8.00  | 10.00 | 9.00  | Giỏi       |
| 1147 | Đặng Phương Quyên     | 01-01-1996 | Trà Vinh   | 6.00  | 9.50  | 7.75  | Khá        |
| 1173 | Nguyễn Xuân Quỳnh     | 20-11-1996 | Cà Mau     | 6.50  | 7.50  | 7.00  | Khá        |
| 1179 | Danh Sa Rây           | 09-10-1992 | Bạc Liêu   | 3.50  | 5.00  | 4.25  | Kh. đạt    |
| 1181 | Nguyễn Thị Sầu Riêng  | 14-09-1996 | Cần Thơ    | 4.50  | 6.50  | 5.50  | Trung bình |
| 1200 | Trần Huỳnh Dương Sinh | 18-09-1997 | Sóc Trăng  | 7.00  | 7.00  | 7.00  | Khá        |
| 1201 | Nguyễn Trung Sĩ       | 14-07-1996 | Bạc Liêu   | 8.00  | 6.00  | 7.00  | Khá        |
| 1207 | Nguyễn Ngọc Sơn       | 19-08-1994 | Cần Thơ    | 7.00  | 8.50  | 7.75  | Khá        |
| 1226 | Dương Chí Tâm         | 22-01-1996 | Cà Mau     | 6.00  | 8.00  | 7.00  | Khá        |
| 1230 | Lê Minh Tâm           | 04-12-1996 | Cần Thơ    | 5.00  | 6.00  | 5.50  | Trung bình |
| 1242 | Nguyễn Đức Tân        | 23-12-1996 | Sóc Trăng  | 6.50  | 8.00  | 7.25  | Khá        |
| 1248 | Trần Thanh Tân        | 22-06-1996 | Đồng Tháp  | 8.00  | 9.50  | 8.75  | Giỏi       |
| 1253 | Phan Thanh Tăng       | 15-12-1997 | Cà Mau     | 4.00  | 5.00  | 4.50  | Kh. đạt    |
| 1281 | Mai Hà Thanh          | 23-09-1997 | Cần Thơ    | 6.50  | 7.00  | 6.75  | Trung bình |
| 1293 | Trần Phương Thanh     | 04-06-1997 | Bạc Liêu   | 6.00  | 5.00  | 5.50  | Trung bình |
| 1302 | Huỳnh Tấn Thành       | 29-03-1996 | Tiền Giang | 8.00  | 9.50  | 8.75  | Giỏi       |
| 1303 | Kiều Robin Thành      | 17-09-1995 | Đồng Tháp  | 8.00  | 8.00  | 8.00  | Giỏi       |
| 1309 | Phạm Đức Thành        | 13-09-1997 | Kiên Giang | 8.00  | 9.50  | 8.75  | Giỏi       |
| 1324 | Huỳnh Phương Thảo     | 19-11-1994 | Cần Thơ    | 8.00  | 0.50  | 4.25  | Kh. đạt    |
| 1348 | Võ Quốc Thảo          | - -1994    | Bạc Liêu   | 7.00  | 6.50  | 6.75  | Trung bình |
| 1350 | Vũ Hoàng Hiếu Thảo    | 11-11-1996 | Đồng Tháp  | 6.00  | 5.50  | 5.75  | Trung bình |
| 1353 | Hà Thị Thu Thiêm      | 16-09-1995 | Đồng Tháp  | 7.00  | 8.00  | 7.50  | Khá        |
| 1362 | Trương Thị Cẩm Thi    | 16-04-1997 | Trà Vinh   | 7.00  | 6.50  | 6.75  | Trung bình |
| 1375 | Lăng Hồng Thị         | 01-01-1996 | Cà Mau     | 6.00  | 5.00  | 5.50  | Trung bình |
| 1386 | Trần Hồ Hoàn Thịnh    | 08-04-1997 | Cần Thơ    | 6.50  | 8.50  | 7.50  | Khá        |
| 1390 | Phan Thị Kim Thoa     | 20-12-1997 | Cần Thơ    | 6.00  | 8.00  | 7.00  | Khá        |
| 1400 | Phạm Trung Thoảng     | 15-12-1997 | An Giang   | 8.00  | 8.00  | 8.00  | Giỏi       |
| 1407 | Đặng Thị Ngọc Thu     | 01-05-1997 | Sóc Trăng  | 6.00  | 7.50  | 6.75  | Trung bình |
| 1410 | Nguyễn Cẩm Thu        | 18-04-1996 | Cần Thơ    | 8.00  | 8.50  | 8.25  | Giỏi       |
| 1413 | Trần Thị Cẩm Thu      | 19-08-1997 | Cần Thơ    | 7.00  | 6.00  | 6.50  | Trung bình |
| 1414 | Bùi Minh Thuận        | 10-02-1997 | Sóc Trăng  | 6.50  | 8.00  | 7.25  | Khá        |
| 1430 | Nguyễn Thị Kim Thùy   | 20-06-1997 | An Giang   | 8.00  | 9.50  | 8.75  | Giỏi       |
| 1440 | Huỳnh Ngọc Thúy       | 07-02-1997 | Cần Thơ    | 7.00  | 8.00  | 7.50  | Khá        |
| 1453 | Thị Thanh Thuyền      | 04-09-1996 | Kiên Giang | 5.00  | 4.50  | 4.75  | Kh. đạt    |

## Kết quả thi lớp AWK288

Hội đồng thi : TT - ĐTTH Cần Thơ Khu 2 - Ngày : 25/09/2016

| SBD  | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Đ. LT | Đ. TH | Đ. TB | Xếp loại   |
|------|------------------------|------------|------------|-------|-------|-------|------------|
| 1458 | Đặng Nguyễn Kim Thư    | 26-09-1997 | Vĩnh Long  | 7.00  | 9.50  | 8.25  | Giỏi       |
| 1478 | Trần Hoài Thương       | - -1996    | Sóc Trăng  | 8.00  | 9.00  | 8.50  | Giỏi       |
| 1495 | Nguyễn Quốc Tiến       | 29-01-1997 | Bến Tre    | 4.50  | 6.50  | 5.50  | Trung bình |
| 1499 | Nguyễn Thị Cẩm Tiên    | 24-04-1997 | Hậu Giang  | 7.00  | 7.50  | 7.25  | Khá        |
| 1501 | Nguyễn Thị Thủy Tiên   | 20-05-1996 | Đồng Tháp  | 6.50  | 9.50  | 8.00  | Khá        |
| 1520 | Nguyễn Đức Tín         | 06-09-1996 | Cà Mau     | 3.50  | 6.00  | 4.75  | Kh. đạt    |
| 1537 | Nguyễn Vĩnh Toàn       | 02-02-1997 | Vĩnh Long  | 8.00  | 10.00 | 9.00  | Giỏi       |
| 1561 | Bùi Thị Bảo Trân       | 08-10-1995 | Cần Thơ    | 7.50  | 9.50  | 8.50  | Giỏi       |
| 1573 | Nguyễn Thị Huyền Trân  | 28-08-1994 | Cần Thơ    | 5.50  | 7.50  | 6.50  | Trung bình |
| 1592 | Nguyễn Kiều Trang      | 20-07-1996 | An Giang   | 5.00  | 7.00  | 6.00  | Trung bình |
| 1604 | Trần Kim Trang         | 15-02-1997 | Sóc Trăng  | 5.00  | 6.50  | 5.75  | Trung bình |
| 1606 | Trần Ngọc Trang        | 18-08-1995 | Vĩnh Long  | 8.00  | 9.00  | 8.50  | Giỏi       |
| 1611 | Nguyễn Công Tráng      | 26-11-1995 | Nghệ An    | 6.00  | 9.50  | 7.75  | Khá        |
| 1622 | Châu Minh Trí          | 15-09-1997 | An Giang   | 5.50  | 9.50  | 7.50  | Trung bình |
| 1628 | Nguyễn Đăng Trình      | 18-02-1997 | Cần Thơ    | 7.00  | 8.50  | 7.75  | Khá        |
| 1639 | Phạm Trung             | 05-08-1996 | Cần Thơ    | 6.00  | 6.50  | 6.25  | Trung bình |
| 1641 | Dương Minh Trúc        | 12-08-1996 | An Giang   | 4.00  | 2.50  | 3.25  | Kh. đạt    |
| 1684 | Huỳnh Thị Bích Tuyền   | 26-01-1994 | Trà Vinh   | 5.00  | 8.00  | 6.50  | Trung bình |
| 1685 | Huỳnh Thị Thanh Tuyền  | 28-07-1996 | Đồng Tháp  | 5.00  | 5.50  | 5.25  | Trung bình |
| 1699 | Trần Thị Kim Tuyến     | 15-04-1996 | Hậu Giang  | 5.00  | 6.50  | 5.75  | Trung bình |
| 1707 | Võ Văn Tươi            | 07-12-1993 | An Giang   | 4.00  | 6.00  | 5.00  | Trung bình |
| 1716 | Nguyễn Thanh Thảo Uyên | 25-06-1994 | Vĩnh Long  | 8.00  | 9.00  | 8.50  | Giỏi       |
| 1724 | Lê Huỳnh Thu Vân       | 21-10-1995 | Kiên Giang | 6.00  | 6.50  | 6.25  | Trung bình |
| 1728 | Nguyễn Thị Ngọc Vân    | 17-09-1997 | Cần Thơ    | 7.00  | 9.00  | 8.00  | Giỏi       |
| 1730 | Trần Ngọc Thùy Vân     | 01-06-1997 | Vĩnh Long  | 6.50  | 9.50  | 8.00  | Khá        |
| 1731 | Trần Thị Ái Vân        | 04-02-1993 | Vĩnh Long  | 7.00  | 10.00 | 8.50  | Giỏi       |
| 1743 | Phạm Thúy Vi           | 06-03-1994 | Kiên Giang | 7.00  | 9.00  | 8.00  | Giỏi       |
| 1753 | Nguyễn Văn Vinh        | 08-08-1996 | An Giang   | 8.50  | 9.00  | 8.75  | Giỏi       |
| 1777 | Nguyễn Ngọc Xuân       | 15-10-1997 | Đồng Tháp  | 7.00  | 9.00  | 8.00  | Giỏi       |

Tổng số : 189 thí sinh

Cần Thơ, ngày            tháng            năm

Đầu: 172

Chủ tịch

Rót: 17

Người lập bảng